

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2026/HS-PT
Ngày 21 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy Lam

Các Thẩm phán: Ông Văn Thanh Gia

Bà Đinh Thị Như Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2026/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Trần Đức S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2026/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Đức S, sinh ngày 01/01/1962 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052062010098; nơi cư trú: Số A đường N, thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức N (chết) và bà Nguyễn Thị K (chết); vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990 và nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai) xử phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 25/11/2012. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có bị cáo Nguyễn Thị Ánh N1 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Trần Đức S đã chuẩn bị các dụng cụ gồm viết, máy tính, tập vở học sinh và điện thoại di động hiệu Vivo 1960 để thực hiện việc ghi số đề cho những người đánh đề tại nhà riêng của mình. Dựa trên kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền T và miền B, người đánh đề đến nhà S đánh số đề, thắng thua bằng tiền dưới các hình thức như: Bao lô (hai chân, ba chân), đầu-cuối (hai chân, ba chân), đá. Sương ghi các con số đề vào một tờ giấy theo các ký hiệu đã quy ước rồi sử dụng điện thoại chụp hình gửi qua ứng dụng Zalo cho Nguyễn Thị Ánh N1 để hưởng hoa hồng 03% từ N1.

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 22/01/2025, Công an huyện T, tỉnh Bình Định (cũ) phối hợp cùng Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định (cũ) kiểm tra phát hiện S đang ghi số đề cho ông Nguyễn Thanh T1 và ông Nguyễn Văn C nên mời tất cả về trụ sở để làm việc, thu giữ tang vật gồm: 01 máy tính hiệu CASIO; 01 cây viết mực màu đen; 01 cây viết mực màu đỏ; 01 tờ giấy A4, phần mặt trắng có ghi các ký hiệu chữ và số quy ước cho việc đánh số đề ở đài miền T vào chiều ngày 22/01/2025 (có chữ ký xác nhận của S); 02 tờ giấy tập học sinh, phần mặt trắng có ghi các ký hiệu chữ và số quy ước cho việc đánh số đề ở đài miền T vào chiều ngày 22/01/2025 (có chữ ký xác nhận của S); 01 mảnh giấy ghi ký hiệu số và chữ quy ước cho việc đánh số đề (có chữ ký xác nhận của ông T1); 01 mảnh giấy ghi ký hiệu số và chữ quy ước cho việc đánh số đề (có chữ ký xác nhận của ông C); 01 điện thoại di động VIVO 1906 vỏ màu xanh dương, đã qua sử dụng của S và tiền Việt Nam là 5.180.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định vào ngày 22/01/2025, S dựa theo kết quả xổ số kiến thiết của đài Khánh Hòa ghi số đề của nhiều người và đã chuyển tịch đề qua cho N1. Thời điểm Công an kiểm tra đã có kết quả mở thưởng, cụ thể: Ông C đánh số đề với số tiền là 216.000 đồng nhưng S chỉ thu của ông C 156.000 đồng, kết quả là ông C không trúng đề; nhiều người không xác định nhân thân đánh số đề với số tiền là 16.554.000 đồng nhưng để thu hút người ghi đề, S chỉ thu 12.220.000 đồng, kết quả trúng thưởng với số tiền 5.040.000 đồng. Tổng số tiền mà S tham gia đánh bạc là 21.810.000 đồng.

Ngoài ra, S còn dựa theo kết quả xổ số kiến thiết của tỉnh Bắc Ninh ghi số đề của ông T1 với số tiền 283.000 đồng nhưng S chỉ thu của ông T1 260.000 đồng. Thời điểm Công an phát hiện, chưa có kết quả mở thưởng và S chưa chuyển tịch đề cho N1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2026/HS-ST ngày 27/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai đã căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo S 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với bị cáo N1, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/02/2026, bị cáo S có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo S giữ nguyên kháng cáo và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo S, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo S, xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ động cơ thu lợi bất chính, Nguyễn Thị Ánh N1 và Trần Đức S đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức mua, bán số lô, số đề. Trong đó, bị cáo S là người trực tiếp bán số lô, số đề từ các con bạc rồi chuyển tịch cho bị cáo N1 để hưởng hoa hồng với tỷ lệ 03%. Vào ngày 22/01/2025, các bị cáo S và N1 đã thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc là 21.810.000 đồng.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai đã xét xử bị cáo Trần Đức S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Đức S, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc nhằm tạo ra thu nhập bất chính bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đánh bạc của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến lĩnh vực trật tự công cộng được nhà nước bảo hộ, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo S như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người cao tuổi, sức khỏe yếu và có nhiều bệnh nền quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đồng thời xử phạt bị cáo S 06 tháng tù, mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo sinh năm 1962 và thuộc trường hợp người cao tuổi, bị cáo có sức khỏe yếu, có nhiều bệnh lý nền như huyết áp, bệnh lao phổi, bệnh thận teo và sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục cung cấp thêm các giấy tờ có liên quan đến việc khám, chữa bệnh của bị cáo; mặc dù bị cáo đã từng bị xử phạt về tội “Đánh bạc” vào năm 2011 nhưng đã được xóa án tích; ngoài ra, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng

và căn cứ Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Từ những phân tích trên, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo S, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Bị cáo S sinh năm 1962, thuộc trường hợp người cao tuổi và đồng thời kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo S được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo S, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo S, xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Đức S. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Đức S.

2. Xử phạt bị cáo Trần Đức S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 21/5/2026).

Giao bị cáo Trần Đức S cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người

được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Đức S được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 2 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng GD, KT, TT và THA TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu: Toà Hình sự, HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Duy Lam